

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt BC KTKT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2024 từ tất cả các nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Kết quả giải ngân đến 30/6/2025	
				Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số các nguồn vốn	Bao gồm		Vốn bổ sung ngân sách cấp trên	Tổng vốn giải ngân	Tỷ lệ %
								Nguồn tăng thu NSX	Thu sử dụng đất			
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(11)=12+1 3+14	(12)	(13)	(14)	(16)	(17)
	TỔNG CỘNG			203,508.4	203,508.4	55,333.8	79,071.4	0.0	14,543.6	64,527.8	64,100.5	81.1
I	Dự án đã hoàn thành			178,923.3	178,923.3	51,298.8	64,581.4	0.0	53.6	64,527.8	63,285.1	98.0
1	Dự án đã phê duyệt quyết toán			178,923.3	178,923.3	51,298.8	64,581.4	0.0	53.6	64,527.8	63,285.1	97.99
	Minh Đức (cũ)			37,309.7	37,309.7	11,767.3	20,169.0	0.0	0.0	20,169.0	20,082.3	99.57
1	Các hạng mục phụ trợ trường MN Minh Đức (Điểm Minh Cường); Hạng mục: San nền, cổng, tường rào)	2019	QĐ 99b ngày 23/9/2019	2,194.60	2,194.60		2,048.30			2,048.30	2,010.5	98.15
2	Đường giao thông nội đồng xã Minh Đức (tuyến nội đồng xóm 3, tuyến đường ra bãi rác)	2020	QĐ số 204 ngày 24/9/2020	1,809.90	1,809.90	1,209.6	517.60			517.60	517.6	100.00
3	Các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Minh Đức, điểm trường trung tâm, huyện Tứ Kỳ	2019	QĐ số 129c ngày 31/10/2019	4,070.47	4,070.47	1,000.0	3,070.47			3,070.47	3,070.5	100.00
4	Sân vận động trung tâm xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	2019	QĐ số 129 ngày 30/10/2019	10,476.99	10,476.99	4,181.7	3,523.03			3,523.03	3,523.0	100.00
5	Nâng tầng 2 nhà lớp học bộ môn 1 tầng 3 phòng trường THCS Minh Đức	2020	QĐ: 240/QĐ-UBND 30/10/2020	2,107.90	2,107.90	72.4	2,001.45			2,001.45	2,001.4	100.00
6	Các hạng mục phụ trợ trường MN Minh Đức (Điểm thôn Minh Cường). Hạng mục: Vườn cỏ tích + vỉa hè bên ngoài	2021	QĐ: 437/QĐ-UBND 09/12/2021	677.25	677.25		637.60			637.60	629.5	98.73
7	Cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ xã Minh Đức	2022	QĐ số 2431 /QĐ-UBND 17/5/2022	1,196.00	1,196.00		1,023.60			1,023.60	982.8	96.01

8	Các hạng mục phụ trợ trường MN Minh Đức (Điểm Minh Cường) hạng mục: Cải tạo sân, xây mới nhà bảo vệ, nhà xe	2020	QĐ 247/QĐ-UBND, 09/11/2020	1,175.50	1,175.50		1,106.80			1,106.80	1,106.8	100.00
9	Nâng cấp cải tạo trục đường giao thông xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	2019	QĐ 129a/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5,347.70	5,347.70	1,209.6	2,058.48			2,058.48	2,058.5	100.00
10	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Mầm non B thôn Vạn, xã Minh Đức			8,253.40	8,253.40	4,094.0	4,181.7			4,181.7	4,181.7	100.00
	THỊ TRẤN TỨ KỲ (Cũ)			36,072.1	36,072.1	15,704.5	13,656.5	0.0	53.6	13,602.9	12,549.6	91.9
I	Dự án đã hoàn thành			36,072.1	36,072.1	15,704.5	13,656.5	0.0	53.6	13,602.9	12,549.6	91.89
1	Dự án đã phê duyệt quyết toán			36,072.1	36,072.1	15,704.5	13,656.5	0.0	53.6	13,602.9	12,549.6	91.89
1	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng - trường THCS thị trấn Tứ Kỳ	2019-2020	69a/ QĐ-UBND thị trấn	14,979.9	14,979.9	13,532.1	920.9			920.90	874.0	94.91
2	Xây dựng cải tạo nghĩa trang liệt sĩ thị trấn Tứ Kỳ	2022	QĐ số 44/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	4,655.1	4,655.1	1,000.0	3,528.0			3,528	3,515	99.63
3	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh thoát nước thị trấn Tứ Kỳ (Đoạn từ đường 391 đến kênh T7 + đoạn từ đường An Bái đến kênh T7)	2022	QĐ số 70/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	2,139.2	2,139.2	1,000.0	1,002.4			1,002.4	978.0	97.57
4	Đường giao thông nội đồng thị trấn Tứ Kỳ (Đoạn từ trạm bơm trường tiểu học đến tiếp giáp đường vào xóm Dân Chủ)	2023	QĐ số 53/QĐ-UBND ngày 20/4/2023	1,178.6	1,178.6	-	1,116.5			1,116.50	1,114.0	99.78
5	Cải tạo bờ lốc, vỉa hè, cây xanh đường tỉnh 391 từ Km17+400-Km18+854 (đoạn qua trung tâm thị trấn), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	2021-2022	QĐ số 195/QĐ-UBND ngày 05/10/2021	9,068.8	9,068.8	72.4	3,350.3			3,350.300	2,339.0	69.81
6	Cải tạo, nâng tầng 3 khu nhà hiệu bộ + nhà bếp trường Mầm non thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ	2018	QĐ số 57/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	1,952.5	1,952.5	100.0	1,684.76			1,684.8	1,676.0	99.48
7	Các hạng mục phụ trợ Trường THCS Thị trấn Tứ Kỳ; HM: Phá dỡ, xây mới nhà vệ sinh, nhà xe	2020	QĐ số 67/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	872	872		871.79			871.8	872	100
8	Hệ thống đèn Led trên trục đường Tây Nguyên, thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ; HM: Bảng Led Full HD đa màu trên trục đường Tây Nguyên	2022	QĐ số 68/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	666	666		665.6			666	666	100

9	Hệ thống đèn Led Full HD đa màu ngã ba trung tâm thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ; HM: Bảng Led Full HD đa màu ngã ba trung tâm thị trấn Tứ Kỳ	2022	QĐ số 69/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	561	561		516		53.60	463	516	100
	Xã Quang Phục (cũ)			54,849.0	54,849.0		15,207.4	0.0	0.0	15,207.4	15,207.4	100
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã	2019	40/QĐ-UBND 11/9/2019	3,554	3,554		2,068.9			2,068.9	2,068.9	100
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng	2019	48/QĐ-UBND 25/10/2019	11,314	11,314		1,245.3			1,245.3	1,245.3	100
3	Cải tạo, sửa chữa NTLS xã	2019	38/QĐ-UBND 04/9/2019	2,907	2,907		418.7			418.7	418.7	100
4	Nhà lớp học 2T6P trường MN (vi tri so 3)	2017	42/QĐ-UBND; 16/6/2017	5,706	5,706		929.5			929.5	929.5	100
5	Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng 3 tầng Trường mầm non Quang phục, huyện Tứ Kỳ	2018	05/QĐ-UBND 16/1/2018	4,725	4,725		888.4			888.4	888.4	100
6	Các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Quang phục, huyện Tứ Kỳ	2018	60/QĐ-UBND 25/6/2018	2,437	2,437		948.9			948.9	948.9	100
7	Nhà hiệu bộ trường THCS	2019	38/QĐ-UBND 15/8/2019	4,408	4,408		2,574.9			2,574.9	2,574.9	100
8	Nhà hiệu bộ trường Tiểu học	2019	41a/QĐ-UBND 30/08/2019	7,832	7,832		2,718.8			2,718.8	2,718.8	100
9	Nhà lớp học 3T12P trường Tiểu học	2019	41b/QĐ-UBND 30/08/2019	11,967	11,967		3,414.0			3,414.0	3,414.0	100
	Xã Quang Khải (cũ)			50,692.5	50,692.5	23,827.0	15,548.5	0.0	0.0	15,548.5	15,445.8	99.3
1	Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng 3 tầng trường Tiểu học xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ	3/2019-3/2020	Số 56/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	8,100	8,100	7,244.0	338	-	0.00	338.39	289.7	85.62
2	Cải tạo sửa chữa sân, nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Quang Khải, huyện Tứ Kỳ	6/2020-8/2020	Số 57a/QĐ-UBND ngày 23/4/2020	1,200	1,200	650.0	393	-	0.00	392.83	392.8	100
3	Trạm Y tế xã Quang Khải	6/2020-2/2021	Số 01a/QĐ-UBND ngày 03/01/2020	5,310	5,310	1,750.0	3,273	-	0.00	3,272.96	3,272.2	99.98
4	Công trình: Cải tạo khu vệ sinh Nhà lớp học Trường Mầm Non Quang Khải	6/2022-9/2022	52/QĐ-UBND ngày 10/01/2022	1,240	1,240	10.1	1,134	-	0.00	1,134.43	1,134.3	99.99

5	Cải tạo, nâng cấp Đường trục xã Quang Khải, huyện Tứ Kỳ (đoạn từ cầu phao Đồn đến cống trạm bơm)	6/2022-11/2022	283/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	14,999	14,999	5,272.9	2,664	-	0.00	2,663.60	2,657.2	99.76
6	Đường trục vành đai xã Quang Khải (Đoạn từ khu dân cư mới thôn Vũ Xá đến cống mới)	3/2024-12/2024	135/QĐ-UBND ngày 12/10/2023	10,600	10,600	3,000.0	5,530	-	0.00	5,529.56	5,483.5	99.17
7	Nhà hiệu bộ + Lớp học 3 tầng trường THCS Quang Khải, huyện Tứ Kỳ	2/2022-12/2023	241a/QĐ-UBND ngày 03/9/2021 698/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	9,243	9,243	5,900.0	2,217	-	0.00	2,216.74	2,216.0	99.97
II	Dự án chuyển tiếp			21,779	21,779	3,735	11,684	0	11,684	0	315	
1	Dự án chưa phê duyệt quyết toán			21,779	21,779	3,735	11,684	0	11,684	0	315	
1	Cải tạo nâng cấp đường Miếu Đống Ốc thị trấn Tứ Kỳ, đoạn từ ĐT 391 đến đường vành đai Đông Bắc	2022	62/ QĐ-UBND thị trấn ngày 22/5/2022	9,135	9,135.0	3,735.0	5,400.0		5,400		199.7	
2	Nhà đa năng trường THCS			12,643.90	12,643.90	-	6,000.0		6,000		115.7	
3	Xây dựng Phù Đieu	2,021.0		584.00	584.00	300.0	284.0		284			
III	Dự án khởi công mới			2,806	2,806	300	2,806	0	2,806	0	500	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lâm. Hạng mục Nhà tổ, nhà mẫu, đền thánh			2,806	2,806	300	2,806		2,806		500	

13,710.1

